

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-PT
Ngày 18-03-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Lê Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Văn B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thúy O (P) sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T; chồng: Nguyễn Thế P; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/02/2015 bị Công an huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 09/02/2015; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lê Văn T, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Lê Văn U và bà Hà Thị B; vợ: Lê Thị N; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/10/2016 bị Công an huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Tụ tập đông người nơi công cộng, gây mất trật tự công cộng”, chấp hành xong ngày 18/10/2016; ngày 23/4/2018 bị Công an xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số

tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 14/5/2018; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Văn H (H), sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị L; vợ: Đặng Thị Tuyết N; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/6/2002 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/HS-ST, chấp hành xong ngày 23/10/2002; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Lê Văn B (B), sinh năm 1966 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Lê Văn K và bà Phạm Thị T; vợ: Trần Thị B; con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/9/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 70/HS-PT; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Trần Văn K, Võ Thị H và Đỗ Văn M nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17 tháng 3 năm 2018, trong lúc uống rượu tại nhà Trần Văn K, Nguyễn Văn H điện thoại cho Nguyễn Thị Thúy O tìm nơi đánh bài thắng thua bằng tiền. Sau đó, O điện thoại thông báo cho Nguyễn Văn H và điện thoại rủ Võ Thị H đến nhà ông Huỳnh Văn H tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre để đánh bài. O nhờ ông Huỳnh Công B chở đến nhà ông H. Tại đây, B ngồi phía trước uống trà với ông H, sau đó B ra về, O ở lại xem tivi. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn H, Lê Văn T, Đỗ Văn M, Lê Văn B, Võ Thị H và Trần Văn K đến. Lúc này tất cả cùng nhau ra nhà sau của ông H đánh bài thắng, thua bằng tiền với hình thức “binh ăn độ”; có 03 tụ, 02 tụ con ăn thua trực tiếp với tụ cái, ai không trực tiếp ngồi tụ thì bắt và ké, mỗi ván 01 tụ con được đặt cược thấp nhất 100.000 đồng và cao nhất 1.000.000 đồng. Tất cả chơi bài đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc:

- Tiền Việt Nam: 31.200.000 đồng.
- 01 (một) hộp bài tây chưa sử dụng và 57 lá bài tây đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, số IMEI 1: 359199500039638, tình trạng không lên nguồn, đã qua sử dụng, thuộc sở hữu của Nguyễn Văn H.

- 01 (một) chiếc chiếu, nền đỏ, kích thước 160cm x 200cm, đã qua sử dụng.

Tạm giữ ngoài chiếu bạc, tại nhà ông Huỳnh Văn Hoa:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda WAVE anpha, biển kiểm soát xxCx-xxxxx.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Soot RCV 120, biển kiểm soát xxYx-xxxxx.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Loncin, biển kiểm soát xxHx-xxxxx.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Angel II, biển kiểm soát xxVx-xxxxx.

Ngoài ra, các bị cáo còn tự nguyện giao nộp:

- Bị cáo Nguyễn Văn M giao nộp: 01 (một) điện thoại di động hiệu HotWon, màu đen, số IMEI: 352774084497522, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng.

- Bị cáo Lê Văn B giao nộp: 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại cảm ứng, bên trong máy có dây ký hiệu: SNLDS 48891080026, tình trạng không lên nguồn; 01 (một) điện thoại di động màu đen loại phím bấm, nhãn hiệu Philips, số IMEI: 865656027545632, tình trạng không lên nguồn và 02 (hai) bộ bài tây đã qua sử dụng.

- Bị cáo Trần Văn K giao nộp: 01 (một) điện thoại di động loại phím bấm, màu nâu - đen, số IMEI: 359454035426325, không có thẻ sim, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam: 3.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thúy O giao nộp tiền Việt Nam: 20.960.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu FPT loại C18, số IMEI: 980030006269695.

Bị cáo Lê Văn T giao nộp tiền Việt Nam: 600.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận hành vi đánh bạc và thừa nhận số tiền đã đưa vào đánh bạc như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H mang theo 4.700.000 đồng để đánh bạc, tất cả để tại chiếu bạc, đã bị tạm giữ.

Bị cáo Lê Văn T mang theo 1.100.000 đồng để đánh bạc, hùn với bị cáo Huệ 500.000 đồng bị tạm giữ tại chiếu bạc, còn lại 600.000 đồng bị cáo giấu trong người sau đó đã giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Bị cáo Đỗ Văn M mang theo 1.500.000 đồng để đánh bạc, thua 500.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng bị cáo giấu trong người sau đó đã giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy O mang theo 22.960.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc và đã bị thu giữ tại chiếu bạc. Còn lại 20.960.000 đồng bị cáo không sử dụng đánh bạc.

Bị cáo Lê Văn B mang theo 960.000 đồng để đánh bạc, tất cả để tại chiếu bạc.

Bị cáo Võ Thị H mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, tất cả đã thua hết tại chiều bạc.

Bị cáo Trần Văn K mang theo 3.200.000 đồng để đánh bạc, bị cáo để tại chiều bạc 200.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng bị cáo giấu trong người sau đó đã giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Như vậy, chứng minh được số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc gồm: tiền tại chiều bạc là 31.200.000 đồng, tiền trong người bị cáo Trần Văn K là 3.000.000 đồng, tiền trong người bị cáo Đỗ Văn M là 1.000.000 đồng và tiền trong người bị cáo Lê Văn T là 600.000 đồng. Tổng cộng là 35.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 13-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Lê Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Văn B phạm “Tội đánh bạc”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy O 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án ngày 13/11/2018. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thúy O cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo;

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án;

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng;

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn B 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo khác; phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 20/11/2018, bị cáo Nguyễn Thị Thúy O có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền.

- Ngày 20/11/2018 bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền.

- Ngày 22/11/2018 bị cáo Lê Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 26/11/2018 bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo O, T, H, B thừa nhận hành vi phạm tội đánh bạc đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo T bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H bổ sung kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Lê Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Văn B phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy O 09 tháng tù về “Tội đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 13/11/2018; áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo O 10.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 tháng tù về “Tội đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án; áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo T 10.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 tháng tù về “Tội đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án; áp dụng khoản 2 Điều

35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo H 10.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn B 09 tháng tù về “Tội đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án; áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo B 10.000.000 đồng;

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/3/2018, tại nhà ông Huỳnh Văn H thuộc ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre, các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Lê Văn T, Lê Văn B và Nguyễn Văn H đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài “binh ẩn độ” thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 35.800.000 đồng. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Lê Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Văn B phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thúy O yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền; bị cáo Lê Văn T yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, hoặc được hưởng án treo, hoặc được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn H yêu cầu được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền; bị cáo Lê Văn B yêu cầu được hưởng án treo; thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Bị cáo O không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo có các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo O 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tụ tập đông người nơi công cộng, gây mất trật tự công cộng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc, trong quá trình điều tra bị cáo lại tiếp tục đánh bạc và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo T 09 tháng tù. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân từng bị kết án về tội đánh bạc; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo H 09 tháng tù. Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân từng bị kết án về tội đánh bạc; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo B 09 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, vì mục đích thu lợi bất chính đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội, gây khó khăn về kinh tế cho chính bản thân và gia đình người đánh bạc, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tệ nạn, tội phạm khác. Đối với bị cáo O mặc dù tại cấp phúc thẩm cung cấp tình tiết có bác ruột tên Nguyễn Văn Bò được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và được công nhận là liệt sĩ, chính quyền địa phương xác nhận bị cáo có vận động nhà tài trợ số tiền khoảng 50.000.000 đồng để xây nhà cho hộ nghèo ở địa phương; tuy nhiên về nhân thân bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, trong vụ án này số tiền bị cáo dùng vào đánh bạc nhiều hơn so với bị cáo T và bị cáo B, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là không phù hợp. Đối với bị cáo T về nhân thân từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tụ tập đông người nơi công cộng, gây mất trật tự công cộng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc lại tiếp tục bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, bị cáo kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền hoặc cho bị cáo được hưởng án

treo là không phù hợp. Tuy nhiên; xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo thật sự tỏ ra ăn năn hối cải nên đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C số tiền 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án phần hình phạt bổ sung bằng tiền theo Bản án sơ thẩm đã tuyên, số tiền bị cáo dùng vào đánh bạc trái phép ít hơn so với bị cáo O và bị cáo H, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp, cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo H và bị cáo B mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân đã từng bị kết án về tội đánh bạc nhưng không từ bỏ mà lại tiếp tục phạm tội đánh bạc, điều đó đã thể hiện các bị cáo là người khó cải tạo giáo dục, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo B và kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền hoặc được hưởng án treo của bị cáo H là không phù hợp. Xét thấy; quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo O, H và B có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt nên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo O, H và B; quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo T có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền hoặc được hưởng án treo của bị cáo T, tuy nhiên quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo T là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo O, H và B là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo T là có phần nghiêm khắc nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí:

Các bị cáo O, H và B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1

Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Nguyễn Văn H và Lê Văn B; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T; sửa Bản án sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 13-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy O 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 13/11/2018;

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thúy O cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Thúy O, Nguyễn Văn H và Lê Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Lê Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Thị H, Trần Văn K và Đỗ Văn M; phần hình phạt bổ sung bằng tiền, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện C (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND các xã N, T,
L, huyện C (3b);
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (1b);
- Các bị cáo tại ngoại (4b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng
TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông